TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do- Hạnh Phúc

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2019
V/v tranh chấp ***" Xin ly hôn "***

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Trần Xuân Văn**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Tám**

Ông Tống Văn Tư

Thư ký phiên tòa: **Bà Đặng Thị Thùy Dung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè , tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa***:** không có.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 2 năm 2019, về tranh chấp "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1968 (*vắng mặt)*

2. Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Lệ T**, sinh năm: 1966 (*vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Số 443,Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và Bà T do mai mối nên tiến tới hôn nhân vào năm 1984, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng kể từ 2010 đến nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cải vã. Hiện hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được nên Ông Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với Bà Nguyễn Thị Lệ T.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng X, sinh ngày 26/12/1985 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 12/3/1989. Hiện các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn Bà T có bản khai trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian kết hôn, về thời gian phát sinh mâu thuẫn, thời gian ly thân, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông T. Không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Ông T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bà T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa Ông Nguyễn Văn T và Bà Nguyễn Thị Lệ T là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của ông T là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xét xử vắng mặt của ông T.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Lệ T đã được Tòa án triệu tập để xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bà T.

[3] Về hôn nhân: Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Nguyễn Văn T và bị đơn Bà Nguyễn Thị Lệ T thống nhất khai ông, bà cưới nhau năm 1984 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông T và Bà T đồng ý ly hôn, không mong muốn đoàn tụ. Theo xác nhận của chính quyền địa phương ấp Mỹ An, xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang thì giữa ông T và Bà T có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không xác định được thời gian hai người chung sống. Trong quá trình chung sống, hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, việc chung sống của cả hai không được pháp luật công nhận là vợ chồng nên yêu cầu ly hôn của ông T là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử không công nhận ông T và Bà T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Hiện các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T phải chịu án phí HNST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận Ông Nguyễn Văn T và Bà Nguyễn Thị Lệ T là vợ chồng;

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09833 ngày 22/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

Ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Lệ T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể tự ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tai các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nôi nhaän:
- TAND tænh Tieàn Giang;
- VKSND huyeän Cái Bè;
- CCTHA DS huyeän Cái Bè;
- UBND xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè;
- Caùc ñöông söï;
- Löu.

TM. HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ THAÅM
Thaåm phaùn - Chuû toïa phieân toøa

Lê Trần Xuân Văn